

# MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG DỰA VÀO TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

TS. Phạm Đăng Quyết\*

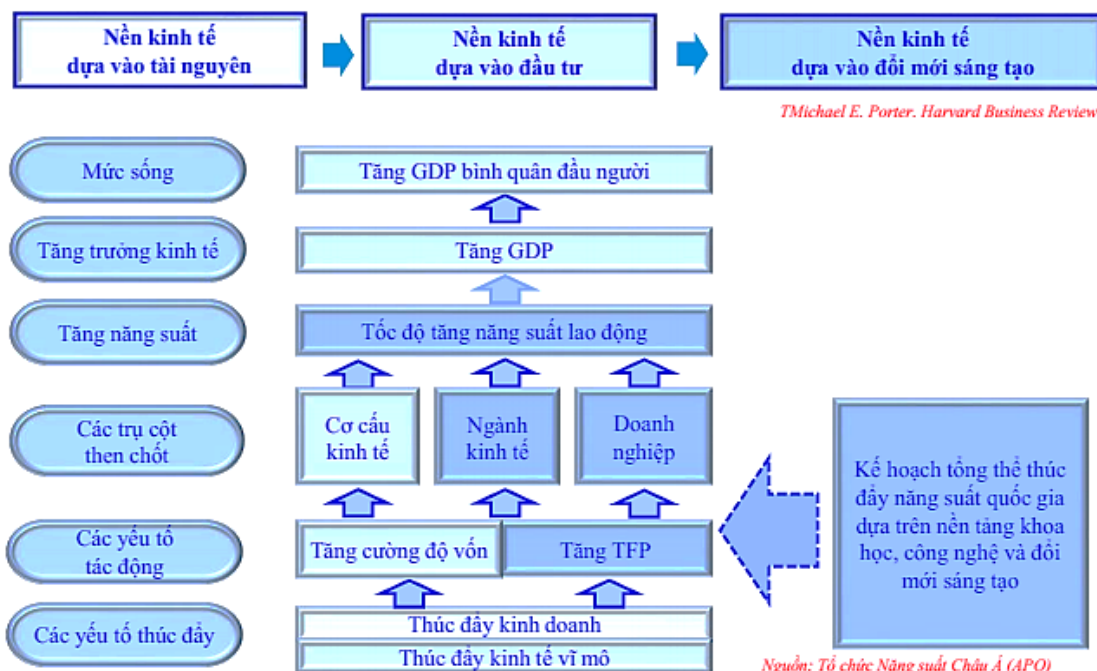
## Tóm tắt:

Như chúng ta có thể thấy, mục tiêu hàng đầu của nâng cao năng suất là nâng cao chất lượng cuộc sống của con người; và kết quả của nâng cao năng suất là giúp nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng cao khả năng cạnh tranh của các tổ chức, doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Mô hình tăng trưởng dựa vào tăng năng suất lao động được nghiên cứu bởi Tổ chức Năng suất châu Á (APO) và trở thành mô hình điển hình cho nhiều quốc gia thành viên nghiên cứu và áp dụng phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế thường được đo bằng chỉ số tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trong nước (GDP). Bằng cách nâng cao năng suất, một quốc gia có thể đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế bằng cách chuyển đổi cùng một số lượng đầu vào thành các cấp độ cao hơn của tổng sản lượng. GDP bình quân

đầu người là chỉ tiêu quan trọng đánh giá trình độ phát triển kinh tế và mức sống của người dân. Tăng GDP là mục tiêu để đạt tới nâng cao chất lượng cuộc sống. Hình 1 dưới đây cho thấy Mô hình tăng trưởng dựa vào tăng năng suất lao động (NSLĐ) của APO.

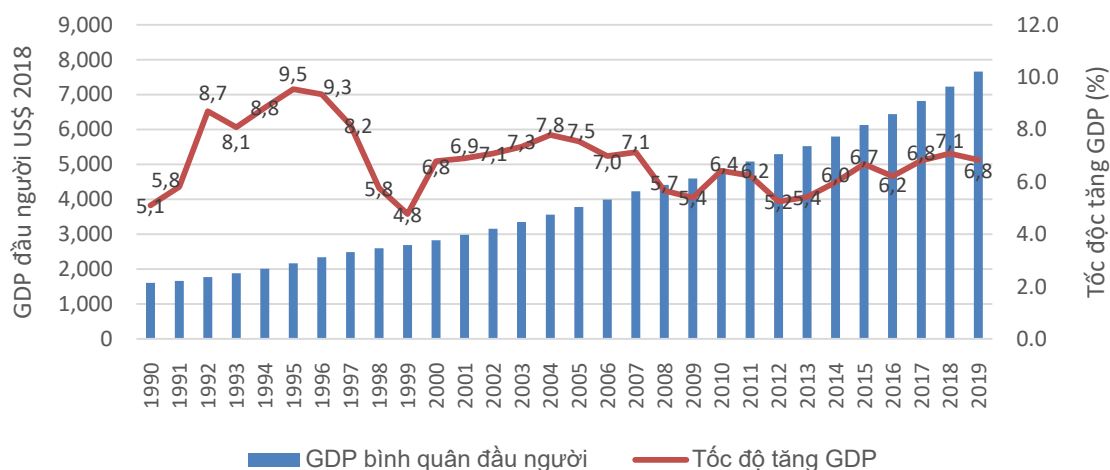
**Hình 1:** Mô hình tăng trưởng dựa vào tăng năng suất lao động



\* Hội Thống kê Việt Nam

Những năm gần đây, Việt Nam đạt mức tăng trưởng kinh tế đáng chú ý; tăng trên 6% trong những năm 2015-2019, và 6,8% năm 2019. GDP bình quân đầu người tăng đều qua các năm và năm 2019 đạt 7.658 USD (chuyển đổi sang mức giá năm 2018 được cập nhật tính theo sức mua tương đương bằng đô la Mỹ năm 2011).

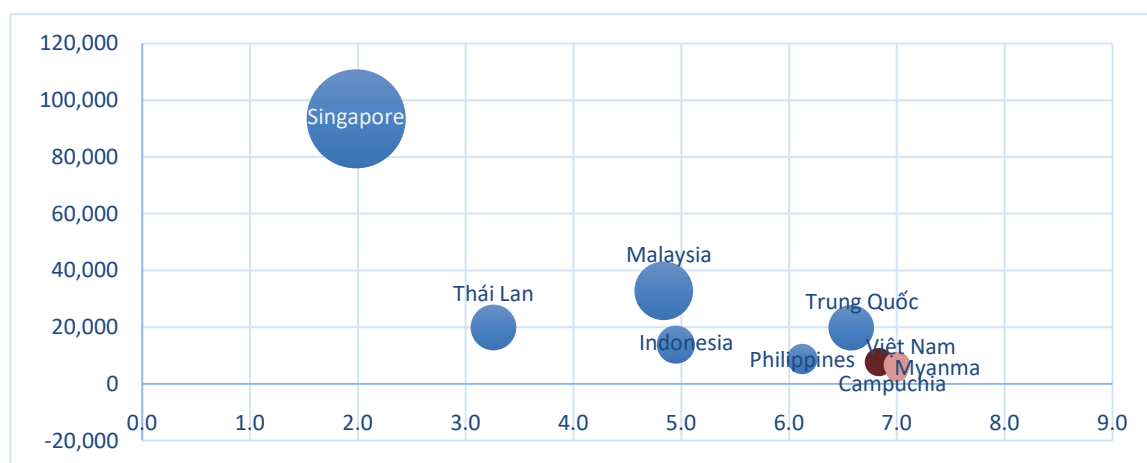
**Hình 2:** Tốc độ tăng GDP và GDP bình quân đầu người 1990-2019



*Nguồn: The Conference Board Total Economy Database, Output, Labor, and Labor Productivity, 1990-2019*

Mặc dù GDP bình quân đầu người những năm gần đây của Việt Nam tăng lên đáng kể, nhưng vẫn thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực (Hình 3).

**Hình 3:** So sánh GDP bình quân đầu người với tốc độ tăng GDP các nước ASEAN và Trung Quốc năm 2019



*Nguồn: The Conference Board Total Economy Database, Output, Labor, and Labor Productivity, 1990-2019*

Việt Nam là quốc gia có thu nhập trung bình thấp, GDP bình quân đầu người của Việt

Nam tuy cao hơn so với của Campuchia, Myanmar nhưng thấp hơn nhiều so với của

## ➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

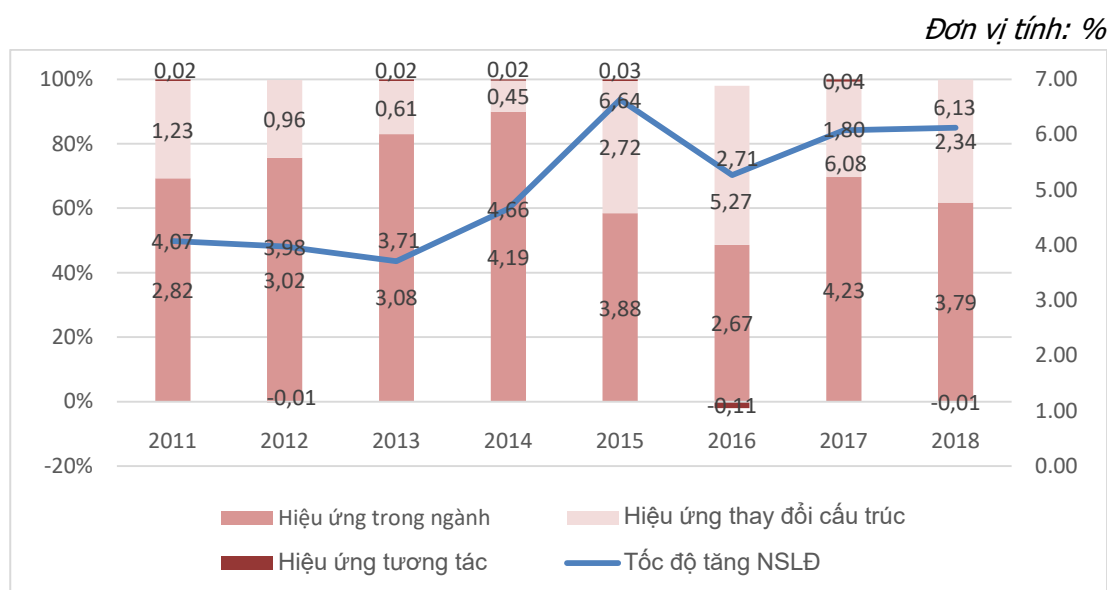
các nước khác như Philippines, Indonesia, Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia và Singapore. Để đuổi kịp một số nước trong khu vực, chúng ta cần hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho một thời gian dài.

Động lực chính của tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP) là tăng NSLĐ. Trong những điều kiện hạn chế đầu vào (lao động và vốn), tăng NSLĐ là con đường duy nhất để tăng trưởng kinh tế bền vững về dài hạn. Trong đó, tăng NSLĐ phụ thuộc vào: (1) năng suất lao động của các doanh nghiệp (doanh nghiệp được coi là trung tâm của phát triển kinh tế); (2) năng suất nội ngành của các ngành kinh tế; và (3) cơ cấu kinh tế.

Một cách để phân tích các nguồn tăng trưởng năng suất là nghiên cứu tác động của sự khác biệt trong cơ cấu ngành đến tăng trưởng NSLĐ tổng hợp ở các quốc gia khác nhau. Các khác biệt trong ngành có thể là do sự khác biệt về tăng trưởng NSLĐ hoặc các thay đổi về qui mô tương đối, được chia tách bằng phân tích chuyển dịch tỷ trọng. Các

đóng góp của ngành đối với tăng trưởng NSLĐ tổng hợp có thể được chia thành ba hiệu ứng. Hiệu ứng đầu tiên đại diện cho "hiệu ứng trong ngành" được tính theo trọng số của phần đóng góp thực của ngành trong tổng sản lượng đầu ra thực nhân với NSLĐ của ngành. Hiệu ứng thứ hai thể hiện "hiệu ứng thay đổi cấu trúc" được đo bằng tỷ lệ giữa mức NSLĐ của ngành và mức NSLĐ tổng hợp nhân với lao động dịch chuyển của ngành. NSLĐ tổng hợp có thể tăng ngay cả khi năng suất lao động của ngành không đổi, miễn là lao động dịch chuyển từ các ngành có mức NSLĐ dưới mức trung bình sang các ngành có mức NSLĐ trên mức trung bình. Hiệu ứng thứ ba là "hiệu ứng tương tác" được đo bằng tỷ lệ giữa mức NSLĐ của ngành và mức NSLĐ tổng hợp nhân với tích NSLĐ của ngành với lao động dịch chuyển của ngành. Hiệu ứng này sẽ là số dương khi lao động chuyển sang một ngành có tăng trưởng NSLĐ dương hoặc khi lao động rời khỏi một ngành có tăng trưởng NSLĐ âm.

**Hình 4:** Hiệu ứng chuyển dịch cơ cấu thúc đẩy tăng NSLĐ giai đoạn 2011-2018



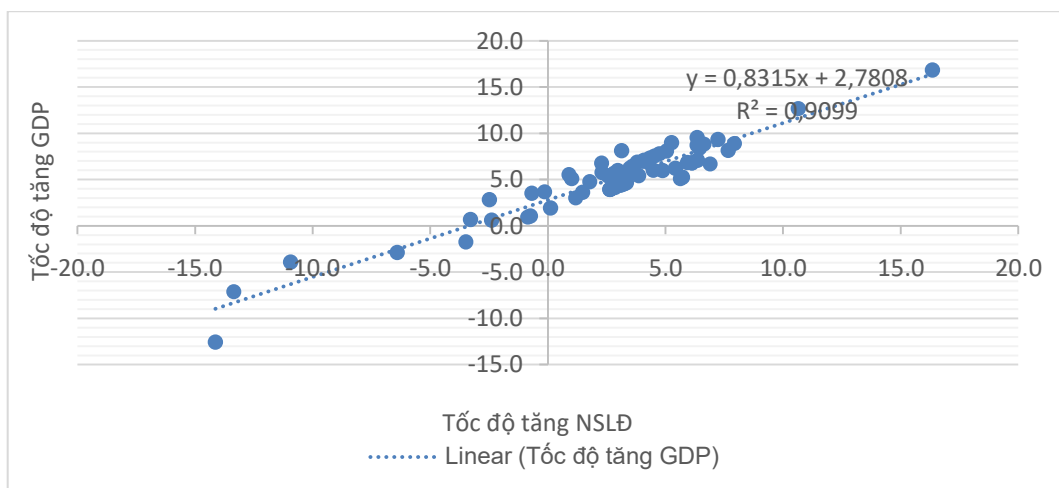
*Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả*

Hình 4 trình bày kết quả phân tích chuyển dịch tỷ trọng, ta thấy chủ yếu đóng góp vào tăng NSLĐ tổng hợp là hiệu ứng trong ngành và hiệu ứng thay đổi cấu trúc, hiệu ứng tương tác hầu như không có đóng góp đáng kể. Chính vì vậy, hiệu ứng nội ngành và dịch chuyển cơ cấu tăng cường lẫn nhau làm tăng NSLĐ theo thời gian. Trong giai đoạn 2011-2018 tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp trung bình năm là 5,06%, hiệu ứng trong ngành đóng góp 69,86% vào tăng trưởng năng suất, hiệu ứng thay đổi cấu trúc đóng góp 30,12%, còn hiệu ứng tương tác

chỉ đóng góp 0,03% vào tốc độ tăng NSLĐ. Việc tiếp tục chuyển dịch lao động từ nhóm ngành nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ đã làm năng suất lao động tổng hợp tiếp tục tăng lên.

Hình 5 cho thấy mối tương quan giữa tăng trưởng GDP và tăng NSLĐ (với dữ liệu hiện có theo dãy số thời gian từ năm 1951 đến 2019). Xu hướng cho thấy tốc độ tăng GDP tăng lên khi tốc độ tăng NSLĐ tăng lên. Khi tốc độ tăng NSLĐ tăng thêm 1 đơn vị thì tốc độ tăng GDP tăng thêm 0,83 đơn vị.

**Hình 5:** Mối tương quan giữa tăng trưởng GDP và tốc độ tăng NSLĐ



*Nguồn: The Conference Board Total Economy Database, Output, Labor, and Labor Productivity, 1990-2018, và tính toán của tác giả*

Mô hình hàm sản xuất Cobb-Douglas cho biết các yếu tố chính đóng góp vào tăng trưởng GDP là tăng trưởng lao động, tăng trưởng vốn và tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP).

$$\hat{Y}_t = \overline{TFP}_t = \alpha_t \hat{L}_t + \beta_t \hat{K}_t$$

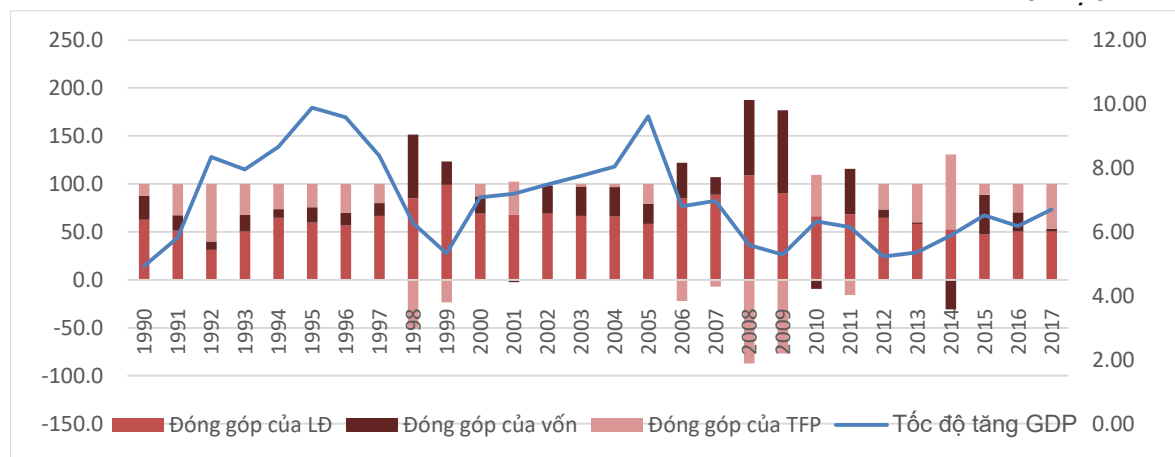
Trong đó mũ hình nón trên các biến biểu thị tốc độ tăng trưởng;  $\alpha_t$  và  $\beta_t$  lần lượt biểu thị độ co giãn của sản lượng Y đối với lao động L và vốn K; và TFP biểu thị những gì thường được hiểu là tốc độ tiến bộ công nghệ.

$$\text{Đóng góp của TFP vào tăng trưởng} = \frac{\text{Tốc độ tăng TFP}}{\text{Tốc độ tăng đầu ra Y}} \times 100\%$$

Hình 5 cho thấy tốc độ tăng NSLĐ là phần đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng GDP. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2017 tốc độ tăng GDP bình quân năm là 6%, đóng góp của lao động, vốn và TFP vào tăng trưởng lần lượt là 57,3%, 10,2% và 32,5%.

**Hình 6:** Đóng góp của lao động, vốn và TFP vào tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1990-2017

Đơn vị tính: %



Nguồn: APO Productivity Database 2019 và tính toán của tác giả

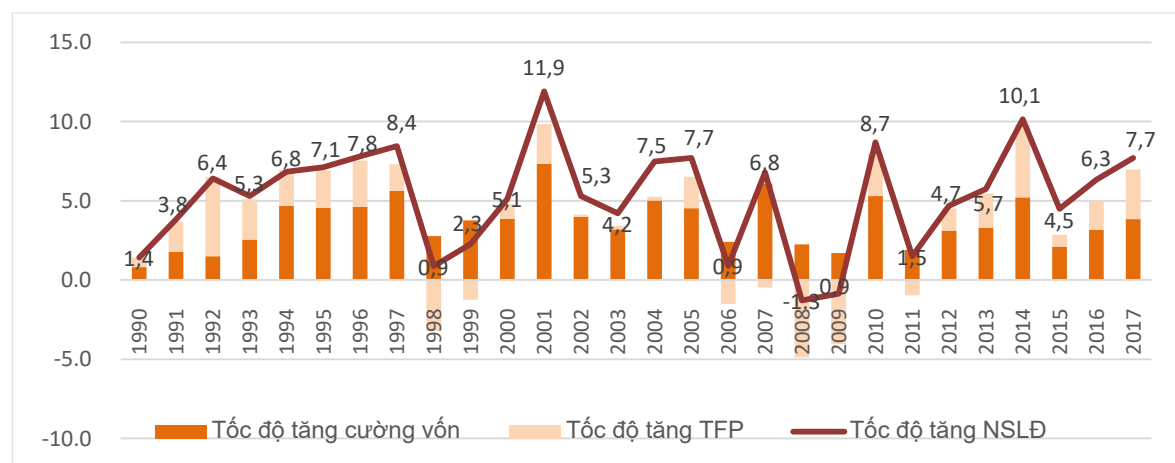
Tăng NSLĐ ở cấp độ tổng hợp có thể được phân tách thành các tác động của việc tăng cường độ vốn (được đo bằng đầu vào vốn trên mỗi lao động), điều này phản ánh sự thay thế vốn - lao động và TFP. Nói cách khác, những yếu tố này là chìa khóa trong việc thúc đẩy NSLĐ.

$$\text{Tăng NSLĐ} = \text{Tăng cường độ vốn} + \text{Tăng TFP}$$

Tăng NSLĐ của doanh nghiệp hay năng suất nội ngành hoặc thay đổi cơ cấu kinh tế đều là kết quả của việc tăng cường đầu tư trang bị vốn trên lao động hoặc tăng TFP. Trong đó, tăng TFP là yếu tố chất lượng, và tất nhiên là quan trọng hơn vì tăng TFP phản ánh tập trung nhất hiệu quả sử dụng yếu tố đầu vào vốn và lao động, do vậy, tăng trưởng kinh tế dựa trên tăng TFP thì tăng trưởng mới có chất lượng, và tăng trưởng mới đảm bảo phát triển bền vững.

**Hình 7:** Tốc độ tăng NSLĐ với tăng cường độ vốn và TFP của Việt Nam giai đoạn 1990-2017

Đơn vị tính: %



Nguồn: APO Productivity Database 2019

Thông qua dữ liệu của các yếu tố góp phần vào tăng NSLĐ (Hình 7), tăng trưởng NSLĐ yếu được đóng góp bằng tăng cường trang bị vốn trên lao động. Trong giai đoạn 2010-2017 tốc độ tăng năng suất lao động bình quân năm là 5,4%, vốn đóng góp 80,6% vào tốc độ tăng NSLĐ, trong khi TFP đóng góp 19,4%.

Đối với một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, để đảm bảo tăng trưởng bao trùm và bền vững hơn, thách thức đặt ra với Việt Nam là quá trình quá độ sang mô hình tăng trưởng mới dựa vào tăng trưởng năng suất nhanh chóng, đổi mới, gia tăng giá trị cao và thúc đẩy khả năng cạnh tranh quốc tế để mang lại nhiều công ăn việc làm cho phần lớn người dân Việt Nam. Nhận thức được rõ thách thức này, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2010-2020) và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của Việt Nam, cụ thể là các kế hoạch cho giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020 đã nêu bật tầm quan trọng của công nghiệp hóa cũng như tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của quốc gia. Trong 9 chỉ tiêu kinh tế của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, có hai chỉ tiêu là gia tăng sự đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng chung và đạt mức tăng NSLĐ trung bình hàng năm là 5%.

Để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào tăng NSLĐ cần phải chú trọng đầu tư theo chiều sâu cho các ngành, các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đổi mới công tác quản lý, cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam phải đặc biệt đầu tư cho

đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh tiến bộ khoa học và công nghệ, vì nhờ có đổi mới sáng tạo, tăng cường tiến bộ khoa học và công nghệ mới thay đổi được cách thức làm việc, mới có thể làm nhanh hơn, hiệu quả hơn, tạo ra sản phẩm hàng hóa mới hơn với chất lượng và giá trị cao hơn; nhờ có đẩy mạnh tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo mới có thể đảm nhận được những phần công việc, công đoạn của quá trình sản xuất khó hơn có tỷ lệ giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc tạo ra tốc độ tăng TFP cao hơn và NSLĐ lớn hơn.

Tăng cường ở cấp độ doanh nghiệp hoạt động năng suất và đổi mới, đạt được với khối lượng quan trọng, có thể tạo ra sức lan tỏa quan trọng cho toàn bộ nền kinh tế. Đây được coi là yếu tố quyết định quan trọng của năng lực cạnh tranh quốc gia để nền kinh tế chuyển từ giai đoạn nền kinh tế dựa vào đầu tư sang nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo - Nền kinh tế tri thức./.

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2019), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần tăng năng suất lao động*, Hội nghị "Cải thiện năng suất lao động quốc gia", Hà Nội, ngày 7/8/2019.
2. APO (2019), *APO Productivity Databook 2019*, Tokyo, Japan.
3. Conference Board (2019), *The Conference Board Productivity Brief 2019*, [https://www.conferenceboard.org/retrievefile.cfm?filename=TED\\_ProductivityBrief\\_20191.pdf&type=subsite](https://www.conferenceboard.org/retrievefile.cfm?filename=TED_ProductivityBrief_20191.pdf&type=subsite).